

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang; Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét Văn bản đề nghị cấp đổi Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Minh Thắng An Giang số 01.24/ĐN-MTAG ngày 30 tháng 10 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Minh Thắng An Giang (sau đây viết tắt là Chủ cơ sở), địa chỉ tại Lô A, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất chế biến phụ phẩm bột cá và mỡ cá với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất chế biến phụ phẩm bột cá và mỡ cá.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long,

huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1601941677, đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 10 năm 2014, thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 6 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

1.4. Mã số thuế: 1601941677.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, chế biến phụ phẩm bột cá và mỡ cá.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở có tổng diện tích là 5.882,5 m², tại Lô A, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Quy mô của cơ sở (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*): Tổng diện tích của cơ sở đang hoạt động là 5.882,5 m²; Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 60.000.000.000 đồng (*Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 2317648226, chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 11 năm 2014, thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 10 năm 2024 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang cấp*), thuộc dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

- Công suất hoạt động của cơ sở: Sản xuất, chế biến bột cá và mỡ cá với công suất sản xuất 5.000 tấn nguyên liệu/tháng, tương đương 60.000 tấn nguyên liệu/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Minh Thắng An Giang An Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm

thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường), cơ quan chức năng ở địa phương (UBND huyện Châu Phú, UBND xã Bình Long) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép:

(từ ngày 12 tháng 11 năm 2024 đến ngày 03 tháng 3 năm 2034).

Giấy phép môi trường số 69/GP-STNMT ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các Sở: Xây dựng, Khoa học và Công nghệ;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;
- UBND huyện Châu Phú;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Phòng QLMT; Phòng QLDD;
- Thanh tra Sở;
- Trung tâm CNTTNTMT (đăng Website);
- Phòng TNMT huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Long;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Thái Minh Hiển

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 473/GPMT-STNMT ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Bình Long; không xả nước thải ra môi trường).

- Đã thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Bình Long.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải đen (vệ sinh) và nước thải xám (tắm, giặt, rửa tay,...): Nước thải đen được thu gom bằng đường ống PVC Ø114 mm về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về bể gom 2 (kích thước: 1,0 m x 1,0 m x 1,0 m); Nước thải xám được dẫn trực tiếp về bể gom 2 (kích thước: 1,0 m x 1,0 m x 1,0 m) của cơ sở theo đường ống PVC Ø114 mm, cuối cùng nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thu gom về công hộp B300 (kích thước: 300 x 200 mm) theo đường ống PVC Ø114 mm, sau đó nước thải chảy về bể gom 1 (kích thước: 4,3 m x 1,9 m x 2,0 m) được bố trí tại nhà xưởng, cuối cùng nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở bằng đường ống PVC Ø60 mm.

- Nước thải từ tháp khử mùi được thu gom về công hộp B100 (kích thước: 100 x 50 mm) theo đường ống PVC Ø114 mm, sau đó nước thải chảy về bể gom 1 (kích thước: 4,3 m x 1,9 m x 2,0 m) được bố trí tại nhà xưởng, cuối cùng nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở bằng đường ống PVC Ø60 mm.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh khu vực nhận nguyên liệu chảy vào hố nạp liệu, sau đó nước thải được bơm về công hộp B200 (kích thước: 200 x 100 mm) và chảy về bể gom 1 (kích thước: 4,3 m x 1,9 m x 2,0 m) được bố trí tại nhà xưởng, cuối cùng nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở bằng đường ống PVC Ø60 mm.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển được thu gom về cống hộp B100 (kích thước: 100 x 50 mm), sau đó chảy về bể gom 1 (kích thước: 4,3 m x 1,9 m x 2,0 m) được bố trí tại nhà xưởng, cuối cùng nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở bằng đường ống PVC Ø60 mm.

- Nước thải vệ sinh lò hơi được thu gom về cống hộp B300 (kích thước: 300 x 200 mm), sau đó chảy về bể gom 1 (kích thước: 4,3 m x 1,9 m x 2,0 m) được bố trí tại nhà xưởng, cuối cùng nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở bằng đường ống PVC Ø60 mm.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh nền, thiết bị, máy móc được thu gom về cống hộp B100 (kích thước: 100 x 50 mm), sau đó chảy về bể gom 1 (kích thước: 4,3 m x 1,9 m x 2,0 m) được bố trí tại nhà xưởng, cuối cùng nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở bằng đường ống PVC Ø60 mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: 02 bể tự hoại 03 ngăn.

- Vị trí: 01 bể tự hoại đặt dưới vị trí khu vực nhà vệ sinh xây mới với thể tích 5,5 m³; 01 bể tự hoại đặt dưới vị trí khu vực nhà vệ sinh văn phòng với thể tích 02 m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày.đêm.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.1. Công trình xử lý nước thải tại cơ sở:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể ổn định → Bể điều hoà → Bể Aerotank 1 → Bể Aerotank 2 → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (Hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu công nghiệp Bình Long, tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 0554182, Y = 1168890, hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°).

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: PAC 01 kg/ngày; Chlorine 0,2 kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nước thải):

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp phải sự cố, Chủ cơ sở sẽ ngưng toàn bộ hoạt động sản xuất và nhanh chóng rà soát nguyên nhân, nước thải tạm thời sẽ được lưu trữ tại bể ổn định.

- Bố trí 01 nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, lập và ghi sổ nhật ký vận hành, xử lý sự cố.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn: cần ngắt van, ngắt điện, mở bơm dự phòng, để tránh ngưng trệ hệ thống hoạt động.

- Khi xảy ra sự cố không thể vận hành hệ thống xử lý: Nước thải được lưu giữ ở bể ổn định; nhanh chóng tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất để vận hành lại hệ thống bình thường.

- Thường xuyên đo đạc, kiểm tra phát hiện sự tăng, giảm bất thường của pH nước thải để kịp thời châm hóa chất điều chỉnh ổn định. Quan sát vi sinh và bổ sung vi sinh khi có dấu hiệu chết vi sinh.

- Định kỳ hàng năm kiểm tra hệ thống, thiết bị xử lý nước thải; quan trắc để kiểm soát chất lượng nước thải đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động đạt quy chuẩn.

- Khi xảy ra sự cố, người phát hiện sự cố phải cáo báo ngay cho cán bộ quản lý để tiến hành ngay các biện pháp khắc phục trong thời gian sớm nhất; thời gian khắc phục sự cố chậm nhất trong 12 giờ. Báo ngay cho nhà cung cấp và cơ quan có thẩm quyền về môi trường các sự cố để có biện pháp phối hợp khắc phục kịp thời trong 24 giờ.

- Chủ cơ sở lập, tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường đối với chất thải của cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (từ tháng 06 năm 2024 đến tháng 09 năm 2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải 15 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (*theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*):

- Nước thải đầu vào: Bể ổn định của hệ thống xử lý nước thải 15 m³/ngày.đêm;

- Nước thải đầu ra (sau xử lý): Tại hố ga thu nước thải hiện hữu, ký hiệu G1 thuộc Hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu công nghiệp Bình Long.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Nước thải sau xử lý tại Nhà máy trước khi xả thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Bình Long (tại hố ga đầu nổi) phải đảm bảo đạt các giá trị theo yêu cầu của Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và Hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang (trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang - chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Long), cụ thể:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	⁰ C	45
2	Màu	Pt-Co	200
3	pH	-	5-9
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	150
5	COD	mg/l	400
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	200
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
8	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	60
9	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	8
10	Tổng dầu mỡ động thực vật	mg/l	30
11	Clo dư	mg/l	2
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10

2.3. Tần suất lấy mẫu: Giai đoạn vận hành ổn định: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu suất (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào, ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đối với đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy đảm bảo đạt quy chuẩn đầu nối, tiếp nhận nước thải theo yêu cầu của Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và Hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang (trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang - chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Long), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, vận hành xử lý công trình xử lý nước thải của nhà máy.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

Quá trình vận hành thử nghiệm Chủ cơ sở phải tuân thủ và thực hiện trách nhiệm về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Lưu ý:

- Chủ cơ sở phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Chủ cơ sở phải lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (bao gồm kết quả phân định ngưỡng nguy hại của bùn thải).

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải theo quy định.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 473/GPMT-STNMT ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi;
- Nguồn số 02: Khí thải từ tháp khử mùi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1168985; Y= 554265 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải từ tháp khử mùi (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1168955; Y=554231 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

- Địa chỉ: Trong Nhà máy tại Lô A, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 37.000 m³/giờ, tương đương 518.000 m³/ngày (hoạt động 14 giờ/24 giờ).

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 45.000 m³/giờ, tương đương 630.000 m³/ngày (hoạt động 14 giờ/24 giờ).

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Chu kỳ xả khí thải: Hằng ngày.

- Thời gian xả khí thải:

+ Dòng khí thải số 01: Xả liên tục 14 giờ/24 giờ (từ 09 giờ 00 phút đến 23 giờ 00 phút) thoát ra ngoài môi trường thông qua đường ống xả khí thải có chiều cao 20 m, đường kính 800 mm.

+ Dòng khí thải số 02: Xả liên tục 14 giờ/24 giờ (từ 09 giờ 00 phút đến 23 giờ 00 phút) thoát ra ngoài môi trường thông qua đường ống xả khí thải cao 8,4 m, đường kính 400 mm.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Đối với dòng khí thải số 01: Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B; $K_p = 0,9$; $K_v = 1,0$):

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	03 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ cơ sở)	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
3	SO ₂	mg/Nm ³	450		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765		
5	CO	mg/Nm ³	900		

- Đối với dòng khí thải số 02: Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; $K_p = 0,9$; $K_v = 1,0$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ):

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	NH ₃	mg/Nm ³	45	03 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ cơ sở)	Không thuộc đối tượng áp dụng
2	H ₂ S	mg/Nm ³	6,75		
3	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
4	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	15	06 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ cơ sở)	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Công trình thu gom khí từ lò hơi công suất 10 tấn/giờ được đồng bộ với hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Mùi hôi được thu gom bằng đường ống thiết kế cột thép dày 04 mm và máy dẫn gió với ống gió DN350 dẫn về hệ thống xử lý mùi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

1.2.1. Công trình xử lý khí thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi (thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 01): Khí thải → Cyclon thu bụi khô → Tháp rửa khói → Ống khói thải.

- Công suất thiết kế: 37.000 m³/giờ.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình xử lý mùi hôi:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý mùi hôi (thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 02): Mùi hôi → Quạt hút → Tháp khử mùi → Ống khói thải.

- Công suất thiết kế: 45.000 m³/giờ.

- Vật liệu sử dụng: Sứ khử mùi 02 tấn.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Đối với công trình xử lý khí thải lò hơi:

- Định kỳ rửa khói để tránh tro bụi nghẹt tháp dập khói;

- Ghi chép ngày thay nước dập khói bụi và thay đúng với định kỳ quy định. Tuy nhiên, vào những thời điểm hoạt động tăng công suất sẽ kiểm tra nước dập khói bụi và rút ngắn thời gian thay nước, đảm bảo chất lượng nước phục vụ tốt cho quá trình xử lý;

- Thường xuyên kiểm tra ống khói trước khi xử lý để kịp thời phát hiện rò rỉ khí qua đường ống và xử lý tránh khí chưa được xử lý bị rò rỉ ra môi trường bên ngoài;

- Khi hệ thống xử lý khí thải lò hơi gặp phải sự cố, Chủ cơ sở sẽ ngưng hoạt động sản xuất và nhanh chóng rà soát nguyên nhân, đảm bảo khí thải được xử lý trước khi thoát ra môi trường tiếp nhận.

1.4.2. Đối với công trình xử lý mùi hôi:

- Định kỳ kiểm tra tháp khử mùi tránh trường hợp tháp bị nghẹt làm giảm hiệu suất xử lý.

- Định kỳ kiểm tra lớp sứ hoạt tính, kịp thời thay thế lớp sứ bị vỡ để đảm bảo hiệu quả của tháp xử lý mùi.

- Thường xuyên kiểm tra ống khói trước khi xử lý để kịp thời phát hiện rò

ri khí qua đường ống và xử lý tránh khí chưa được xử lý bị rò rỉ ra môi trường bên ngoài;

- Khi hệ thống xử lý khí thải tháp khử mùi gặp phải sự cố, Chủ cơ sở sẽ ngưng hoạt động sản xuất và nhanh chóng rà soát nguyên nhân, đảm bảo khí thải được xử lý trước khi thoát ra môi trường tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng : 03 tháng (từ tháng 06 năm 2024 đến tháng 09 năm 2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ;

- Hệ thống xử lý khí thải tháp khử mùi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí lấy mẫu (*theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*): 02 điểm (tại điểm đầu ra hệ thống xử lý khí thải lò hơi và hệ thống xử lý khí thải tháp khử mùi).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*):

- Thông số khí thải đầu ra hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Lưu lượng, Bụi tổng, SO₂, NO_x (tính theo NO₂), CO.

- Thông số khí thải đầu ra hệ thống xử lý mùi hôi: Lưu lượng, NH₃, H₂S, Metyl mercaptan.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp (đo đạc, lấy và phân tích 03 mẫu đơn khí thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải, mùi phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường:

Quá trình vận hành thử nghiệm Chủ cơ sở tuân thủ và thực hiện trách nhiệm về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022.NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Lưu ý:

- Chủ cơ sở phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng

mục công trình xử lý chất thải của cơ sở gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo dõi, giám sát.

- Chủ cơ sở phải lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.4. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải theo quy định.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải, mùi hôi để tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 473/GPMT-STNMT ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị tại lò hơi;
- Nguồn số 02: Quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị tại tháp khử mùi;
- Nguồn số 03: Cụm máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1168862; Y = 554114 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1168955; Y = 554231 (hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1168979; Y = 554206 (hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

Địa chỉ: Trong Nhà máy tại Lô A, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ-21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	70	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở vừa làm hàng rào bảo vệ có tác dụng

lọc không khí vừa cải thiện về mỹ quan;

- Xây dựng nhà máy cao ráo, kín để hạn chế tiếng ồn phát ra xung quanh;
- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động thích hợp công nhân làm việc trực tiếp tại Nhà máy ở từng khâu sản xuất;
- Đối với các thiết bị tại khu vực lò hơi:
 - + Cố định chân bá đỡ các máy móc nhằm giảm thiểu độ rung của các máy móc trong nhà máy;
 - + Kiểm tra, thay thế hoặc bổ sung các đệm cao su và lò xo chống rung cho nhà máy;
 - + Định kỳ bảo dưỡng bôi trơn dầu mỡ vào các máy móc thiết bị để máy hoạt động êm, hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn./.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 473/GPMT-STNMT ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	6
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	10
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	11

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 21,6 kg/ngày.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: khoảng 8,5 tấn tro/ngày.
- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: 3,63 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 04 thùng chứa rác bằng nhựa HPDE có dung tích 60 lít (400 mm x 500 mm x 680mm) có nắp đậy, bên ngoài có dán nhãn chất thải nguy hại; bố trí 02 bình chữa cháy cầm tay 05 kg, vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng.

2.1.2. Kho lưu chứa bên ngoài:

- Kho chứa chất thải nguy hại đặt ngoài trời và nằm cạnh hệ thống xử lý nước thải có diện tích 3 m².

- Kết cấu: Nền chống thấm (nền bê tông), vách và mái lợp tole, bên ngoài có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại. Bên trong kho chứa chất thải nguy hại được phân chia thành 4 ngăn chứa với kích thước 0,75 m²/ngăn để lưu giữ chất thải nguy hại.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển xử lý toàn bộ lượng chất nguy hại của cơ sở theo đúng quy định, định kỳ 01 năm/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Tro trấu:

- Thiết bị lưu chứa: Tro được thu gom, đóng bao và lưu trữ tạm thời tại kho chứa tro.

- Khu vực lưu chứa: Kho chứa tro được bố trí cạnh khu vực lò hơi với kích thước xây dựng $75,95 \text{ m}^2$ (D x R= 21,7 m x 3,5 m) với kết cấu nền bê tông cốt thép, vách và mái lợp tole.

2.2.2. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

- Thiết bị lưu chứa: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được thu gom về bể chứa bùn.

- Bể chứa bùn có kết cấu bằng bê tông cốt thép, chống thấm với thể tích $4,32 \text{ m}^3$ (kích thước: D x R x H: 1,5 m x 0,9 m x 3,2 m).

- Khi lượng bùn thải trong hệ thống xử lý nước thải vượt mức (khoảng 2/3 bể chứa bùn), thì Chủ cơ sở sẽ tiến hành thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn và chuyên đi xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị 04 thùng rác HDPE loại 120 lít (490 mm x 550 mm x 930 mm) có dán nhãn phân loại rác tái chế và rác không tái chế. Bố trí 02 thùng rác ở phía trước cổng và 02 thùng rác ở phía sau nhà xưởng.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định, tần suất thu gom 01 lần/ngày.

- Bên cạnh đó, Cơ sở còn có quy định về giữ gìn vệ sinh, có hình thức xử phạt nhằm tạo môi trường vệ sinh sạch đẹp cho cơ sở.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG: -./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường 473/GPMT-STNMT ngày 12 tháng 11 năm
2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): ./.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường tại cơ sở, đề nghị Chủ cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp thay đổi Chủ cơ sở thì Chủ cơ sở mới có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quản lý chất thải phát sinh trong toàn bộ quá trình hoạt động đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sự cố môi trường, sự cố hóa chất,... theo các quy định pháp luật hiện hành. Thực hiện trách nhiệm của Chủ cơ sở trong thực hiện bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải ở Phụ lục 4 (nếu có)) hoặc báo cáo đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Nghiên cứu, giảm thiểu nước thải, chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất và tái sử dụng chất thải./.